TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI NƯỚC** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2024/DS-ST
Ngày 26-6-2024
"Về việc tranh chấp tiền hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Diện.

Ông Nguyễn Văn Mầm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trần Bích Trâm – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2024 về "tranh chấp tiền hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 208/2024/QĐST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Võ Văn N, sinh năm 1959. (có mặt)

Cư trú tại: ấp Tân Phú, xã Tân Hưng Đông, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Vợ chồng ông Lê Văn L1, sinh năm 1963 và bà Phan Thị L2, sinh năm 1965. (vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn ông Võ Văn N trình bày yêu cầu:*

Vợ chồng ông Lê Văn L1 và bà Phan Thị L2 làm chủ hụi tại địa phương ở xã Tân Hưng Đông - huyện Cái Nước, ông N có tham gia vô dây hụi 500.000 đồng khui ngày 26/01/2010 âm lịch, hụi gồm 47 chưng, tháng khui 01 lần, ông N vô 01 chưng, đóng hụi đến hết kỳ thứ 13 thì vợ chồng ông L1 và bà L2 tuyên bố đình hụi.

Sau khi tuyên bố đình hụi thì 02 bên có gặp nhau để đối chiếu nợ hụi, thì vợ chồng ông L1 đồng ý trả lại cho ông N số tiền hụi là 6.500.000 đồng, chỉ thỏa thuận miệng, nhưng sau đó vợ chồng ông L1 không thực hiện lời hứa của mình, cho dù ông N đã đến gặp vợ chồng ông L1 nhiều lần nhưng cứ hẹn ngày qua ngày, cho đến nay vẫn chưa trả số tiền hụi cho ông N.

Nay ông N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông L1 và bà L2 trả số tiền hụi là 6.500.000 đồng. Ngoài ra, ông N không yêu cầu gì khác.

* Đối với vợ chồng ông Lê Văn L1 và bà Phan Thị L2 đã được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về việc kiểm tra, giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng vợ chồng ông L1 và bà L2 không tham gia và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc khởi kiện của ông Võ Văn N.

* Tại phiên toà:

- Ông Võ Văn N trình bày: ông N bảo lưu yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Lê Văn L1 và bà Phan Thị L2 phải trả số tiền hụi là 6.500.000 đồng.

- Vợ chồng ông Lê Văn L1 và bà Phan Thị L2 vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo trình tự quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn N về việc yêu cầu vợ chồng ông Lê Văn L1 và bà Phan Thị L2 trả tiền hụi còn nợ. Án phí dân sự sơ thẩm buộc vợ chồng ông L1 và bà L2 phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Vợ chồng ông Lê Văn L1 và bà Phan Thị L2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia xét xử lần 2, nhưng ông L1 và bà L2 vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Lê Văn L1 và bà Phan Thị L2.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Võ Văn N yêu cầu vợ chồng ông Lê Văn L1 và bà Phan Thị L2 cư trú tại: ấp Tân Phú, xã Tân Hưng Đông, huyện Cái Nước trả số tiền hụi còn nợ. Như vậy, quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp tiền hụi” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân huyện Cái Nước được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 471 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu của ông Võ Văn N và chứng cứ thể hiện trong hồ sơ:

Vào ngày 26/01/2010 âm lịch, vợ chồng ông L1 và bà L2 làm chủ hụi tại địa phương, với mục đích là hùn vốn phát triển kinh tế của hộ gia đình, ông N đã tham gia vô 01 chưng. Vợ chồng ông L1 và bà L2 không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc ông N khởi kiện.

Căn cứ vào tất cả tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Vợ chồng ông Lê Văn L1 và bà Phan Thị L2 làm chủ hụi bằng hình thức tổ hùn vốn tại địa phương, phía ông N có tham gia vô hụi là thực tế xảy ra, được thể hiện qua biên bản tổ hùn vốn được lập tại nhà vợ chồng ông L1, bà L2 và qua xác nhận của những người có tên trong biên bản tổ hùn vốn.

- Việc ông N có vô hụi, chưa hốt hụi và đóng hụi được 13 kỳ thì vợ chồng ông L1 và bà L2 tuyên bố đình hụi là đúng sự thật, bởi lẽ sự việc được những người tham gia vô hụi và sinh sống cùng địa phương với vợ chồng ông L1, bà L2 đều xác nhận là đúng.

- Đối với vợ chồng ông Lê Văn L1 và bà Phan Thị L2 đã được Tòa án tống đạt trực tiếp hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp và phiên hòa giải nhưng ông bà không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc ông N khởi kiện, cũng như trình bày quá trình vô hụi, hốt hụi và đóng hụi của ông N để bảo vệ quyền lợi của ông bà. Do đó, vợ chồng ông L1 và bà L2 phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ để bảo vệ quyền lợi của mình được quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy việc ông Võ Văn N khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Lê Văn L1 và bà Phan Thị L2 trả số tiền hụi còn nợ là có cơ sở, nên được chấp nhận toàn bộ, buộc vợ chồng ông L1 và bà L2 phải có trách nhiệm trả cho ông N số tiền hụi còn nợ là 6.500.000 đồng.

Trường hợp vợ chồng ông L1 và bà L2 chậm thanh toán số tiền hụi nêu trên, thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định của pháp luật.

[3.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Buộc vợ chồng ông Lê Văn L1 và bà Phan Thị L2 phải chịu án phí với số tiền = 6.500.000 đồng x 5% = 325.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước.

- Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận toàn bộ, nên nguyên đơn không phải chịu án phí, phần ông N được miễn nộp tạm ứng án phí nên không đặt ra xem xét.

[3.3] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự.

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn N đối với vợ chồng ông Lê Văn L1 và bà Phan Thị L2 về việc trả tiền hụi.

Buộc vợ chồng ông Lê Văn L1 và bà Phan Thị L2 phải có trách nhiệm trả cho ông Võ Văn N số tiền hụi còn nợ là 6.500.000 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày ông N có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp vợ chồng ông L1 và bà L2 chậm trả số tiền hụi nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi với mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc vợ chồng ông Lê Văn L1 và bà Phan Thị L2 phải chịu án phí với số tiền là 325.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước.

- Ông Võ Văn N được nộp tạm ứng án phí, nên không đặt ra xem xét.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Trần Hoàng Tuấn